

ĐÔI NÉT VỀ CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ SONG HÀ *

1. Một số đặc điểm cơ bản về các dân tộc ở nước ta

Cộng đồng các dân tộc Việt Nam gồm 54 dân tộc anh em, dân tộc Kinh là tộc người chiếm đa số với 73.594.427 người chiếm tới 86% dân số, 53 dân tộc còn lại là thiểu số chiếm 14 %. Theo Báo cáo kết quả điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009, hiện nay ở nước ta, dân tộc Tày có 1.626.392 người, dân tộc Thái có 1.550.423 người, dân tộc Mường: 1.268.963 người, dân tộc Khơ-me có 1.260.640 người, người Hoa có 823.071 người, dân tộc Dao có 751.067 người, Ê-đê có 331.194 người. Một số dân tộc như Rơ-măm chỉ có 463 người, Brâu có 397 người, Ô đù có 376 người. Trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ và xây dựng đất nước, cộng đồng các dân tộc Việt Nam đã hình thành một số đặc điểm, cụ thể như sau:

Một là: *Các dân tộc có truyền thống đoàn kết gắn bó chặt chẽ trong quá trình chinh phục thiên nhiên và chống giặc ngoại xâm, từ đó đã tạo nên một cộng đồng dân tộc thống nhất.* Lịch sử Việt Nam đã chứng minh rằng, các dân tộc ở nước ta thiểu số cũng như đa số luôn “chung lưng đấu cật” chống giặc ngoại xâm và chống thiên tai để cùng tồn tại và phát triển. Đoàn kết trong chiến đấu và trong lao động sản xuất là truyền thống lâu đời, một đặc điểm nổi bật của các dân tộc ở Việt Nam. Bác Hồ đã từng nói: “*Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia-rai hay Ê-đê, Xê-đăng hay Ba-na và các dân tộc thiểu số khác đều là con cháu Việt*

Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau”.⁽¹⁾

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập và lãnh đạo sự nghiệp cách mạng nước ta, truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc ngày càng được phát huy và là một trong những nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Ngày nay, truyền thống đoàn kết các dân tộc ở nước ta đang tiếp tục được thể hiện trong công cuộc Đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế.

Hai là: *Các dân tộc thiểu số ở nước ta là một bộ phận cấu thành quốc gia thống nhất đa dân tộc nhưng còn có sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế - xã hội.* Đây là một trong những đặc điểm nổi bật và là một khó khăn, thách thức trong việc thực hiện nguyên tắc cơ bản của chính sách dân tộc. Thực trạng của sự chênh lệch về đời sống, nhận thức, trình độ phát triển kinh tế - xã hội cùng với điều kiện thiên nhiên, môi trường sống khắc nghiệt là những cản trở lớn trong sự nghiệp phát triển bền vững ở vùng các dân tộc thiểu số. Giải quyết vấn đề này đòi hỏi sự phấn đấu lâu dài, gian khổ của các cấp, các ngành trong hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương, nhất là sự nỗ lực của từng dân tộc, trước hết là đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa của các dân tộc thiểu số.

Ba là: *Mỗi dân tộc đều có truyền thống văn hóa lâu đời mang bản sắc riêng, góp*

(*) TS, Khoa Dân tộc học, Học viện Khoa học xã hội.

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 4, tr. 217.

phần làm nên sự phong phú, đa dạng và giá trị to lớn của văn hóa Việt Nam. Đó là các giá trị vật chất và tinh thần được hình thành và phát triển trong quá trình lịch sử lâu dài của mỗi dân tộc, bao gồm tiếng nói, chữ viết, văn học - nghệ thuật, kiến trúc, y phục, phong tục tập quán, tâm lý và tình cảm, quan hệ gia đình và dòng họ, tín ngưỡng tôn giáo... Các giá trị đó luôn được các dân tộc nâng niu, trân trọng, trao truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Ngày nay, các giá trị văn hóa truyền thống đó của các dân tộc tuy vẫn tiếp tục được bồi đắp nhưng việc giữ gìn và phát huy đang đứng trước những thách thức không nhỏ.

Bốn là: *Các dân tộc thiểu số ở nước ta cư trú ở những địa bàn chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị, an ninh - quốc phòng...* Điều này đã được chứng minh trong lịch sử, hàng nghìn năm chống giặc ngoại xâm và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhiều vùng thuộc nơi cư trú của đồng bào dân tộc thiểu số đã trở thành căn cứ địa cách mạng, căn cứ của các cuộc kháng chiến cứu nước. Trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay, địa bàn cư trú của các dân tộc thiểu số tiếp tục giữ vai trò hết sức quan trọng đối với việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta. Vì vậy, để đất nước ổn định, phát triển và giữ vững toàn vẹn lãnh thổ, đòi hỏi phải có sự quan tâm đầy đủ, thường xuyên đối với địa bàn chiến lược quan trọng nơi cư trú của đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta.

2. Chủ trương, chính sách cơ bản của Đảng và Nhà nước ta đối với các dân tộc thiểu số

Nguyên tắc cơ bản để xây dựng, thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta là: *Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng,*

tương trợ và giúp đỡ nhau cùng phát triển. Đây là vấn đề chiến lược, lâu dài của cách mạng nước ta. Điều đó đã được thể hiện trong Hiến pháp, được khẳng định trong Văn kiện Đại hội Đảng và được cụ thể hóa trong các chủ trương, chính sách qua các thời kỳ. Hiến pháp năm 1992 viết: *Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển đi lên con đường văn minh, tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự nghiệp chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.*

Đại hội IX của Đảng ta đã khẳng định: “Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc luôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng. Thực hiện tốt chính sách dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất hàng hóa, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xóa đói giảm nghèo, mở mang dân trí, giữ gìn, làm giàu và phát huy bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của dân tộc, thực hiện công bằng xã hội giữa các dân tộc, giữa miền núi và miền xuôi, đặc biệt quan tâm vùng gặp nhiều khó khăn, vùng trước đây là căn cứ cách mạng và kháng chiến. Tích cực thực hiện chính sách ưu tiên trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc, thiểu số. Động viên và phát huy vai trò của những người tiêu biểu, có uy tín trong dân tộc và ở địa phương. Chống kỳ thị, chia rẽ dân tộc, chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan, khắc phục tư tưởng tự ti, mặc cảm dân tộc”⁽²⁾.

Đại hội X của Đảng tiếp tục nêu rõ: “Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam

⁽²⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2001, tr. 127 - 128.

bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”⁽³⁾. Đường lối, chính sách của Đảng đối với các dân tộc tiếp tục được Đảng ta khẳng định trong văn kiện Đại hội XI vừa qua. Nguyên tắc cơ bản của chính sách đoàn kết và phát triển các dân tộc của Đảng ta được thể hiện tập trung ở những nội dung như:

- Các dân tộc đoàn kết, thống nhất thành một khối cùng làm chủ, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Bình đẳng, tương trợ lẫn nhau trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật, trong một quốc gia thống nhất, đa dân tộc.

- Xóa bỏ sự chênh lệch về kinh tế - xã hội, tạo điều kiện để từng dân tộc được đóng góp và hưởng thụ trong sự nghiệp phát triển chung của đất nước.

- Tôn trọng lợi ích văn hóa, tín ngưỡng, ngôn ngữ, phong tục, tập quán... của từng dân tộc. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc anh em, góp phần làm phong phú giá trị, bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam.

- Chống tư tưởng và hành động dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, kích động, chia rẽ các dân tộc.

Cùng với nguyên tắc nêu trên, Đảng ta còn luôn quan tâm thực hiện công bằng xã hội giữa các dân tộc, giữa miền núi và miền xuôi, đặc biệt quan tâm vùng gặp nhiều khó khăn, vùng trước đây là căn cứ cách mạng và kháng chiến. Để thực hiện vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc hiện nay ở nước ta, Nghị quyết của Đảng đã nêu rõ:

- Phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xóa đói giảm nghèo,

nâng cao trình độ dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc.

- Thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ cách mạng; làm tốt công tác định canh định cư và xây dựng vùng kinh tế mới.

- Quy hoạch, phân bổ, sắp xếp lại dân cư, gắn phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh, quốc phòng.

- củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; động viên, phát huy vai trò của những người tiêu biểu trong các dân tộc.

- Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trí thức là người dân tộc thiểu số...⁽⁴⁾

Điều đó được thể hiện bằng những kết quả đã đạt được trong thời gian qua khi thực hiện các chủ trương chính sách dân tộc. Chẳng hạn, tính đến năm 2003, đã có khoảng 97,42% số xã miền núi thuộc vùng các dân tộc thiểu số có đường ô tô đến trung tâm xã; 98% số huyện và 66% số xã miền núi có điện lưới quốc gia, 60% số xã có điện thoại, 93,5% xã có trạm y tế, 100% xã có trường tiểu học. Riêng các tỉnh Tây Nam Bộ đã có hơn 1.000 sinh viên đại học, cao đẳng là người Khơ-me. Cả nước hiện có 346 trường dân tộc nội trú, trong đó có 180 trường cấp huyện và 145 trường cấp tỉnh với hơn 6 vạn học sinh của 45 dân tộc. Riêng tỉnh Hà Giang có tới 10 trường dân tộc nội trú⁽⁵⁾. Còn kinh phí đầu tư cho dạy nghề ở Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ năm 2001 là 181 tỉ đồng, đến năm 2008 được

⁽³⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, tr. 121.

⁽⁴⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X* (sdd), tr. 121 - 122.

⁽⁵⁾ Theo: Tài liệu của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (nay là Ban Tuyên giáo Trung ương).

nâng lên 407,74 tỉ đồng, tăng 22,5 lần⁽⁶⁾.

3. Một số chính sách cụ thể và nhiệm vụ chủ yếu đối với các dân tộc thiểu số hiện nay

Bước vào thời kỳ đổi mới đất nước, nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được ban hành. Cụ thể như: Nghị quyết số 22/NQ-TW của Bộ Chính trị ngày 27/11/1989 *Về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi*; Chỉ thị 525 ngày 2 tháng 11 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ *Về một số chủ trương, biện pháp tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội miền núi*; Quyết định 1235 ngày 31 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn, miền núi và vùng sâu, vùng xa. Nghị quyết Đại hội XI của Đảng vừa qua cũng chỉ rõ: “Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số”⁽⁷⁾. Cùng với đó là nhiều giải pháp cơ bản về phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, xóa đói giảm nghèo, sắp xếp lại dân cư gắn với phát triển kinh tế, bảo đảm an ninh, quốc phòng, củng cố và nâng cao hệ thống chính trị vùng đồng bào dân tộc như chương trình 135, chương trình 168, chương trình 173, chương trình 186 và Quyết định số 393 của Thủ tướng Chính phủ... đã và đang được thực thi có kết quả. Về chỉ tiêu, đến hết năm 2010, đối với đồng bào các dân tộc thiểu số, cơ bản

không còn hộ đói, giảm hộ nghèo xuống dưới 10%, xóa tình trạng nhà tạm và nhà dột nát, 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã, giải quyết cơ bản vấn đề đất sản xuất. Bảo đảm hầu hết đồng bào nghèo vùng sâu, vùng xa được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Phấn đấu 90% đồng bào các dân tộc được xem truyền hình, 100% được nghe đài phát thanh, giữ vững an ninh quốc phòng, ngăn chặn việc lợi dụng vấn đề dân tộc để phá hoại khối đoàn kết, gây mất ổn định xã hội.

Các tài liệu quan trọng nêu trên đã chỉ ra được những chủ trương cụ thể và nhiệm vụ chủ yếu của Đảng, Nhà nước ta đối với đồng bào các dân tộc thiểu số trong bối cảnh hiện nay, nhằm góp phần thực hiện có kết quả chiến lược đại đoàn kết toàn dân. Trong đó có một số nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần phù hợp với đặc điểm, điều kiện từng vùng, bảo đảm cho đồng bào khai thác thế mạnh của địa phương. Xác lập quyền làm chủ về đất đai gắn với môi trường sinh sống của người dân các dân tộc thiểu số; giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở và vấn đề tranh chấp đất đai ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống cho đồng bào, trọng tâm là những vùng sâu, vùng xa. Cần tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc như tình trạng thiếu lương thực, thiếu nước sinh hoạt, nhà ở tạm bợ, nạn phá rừng... xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng biên

⁽⁶⁾ Xem: *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách dân tộc ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 151.

⁽⁷⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 81.

giới; làm tốt công tác định canh, định cư và di dân xây dựng các vùng kinh tế mới. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, sắp xếp, phân bổ lại hợp lý dân cư. Đổi mới cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy lợi thế của từng vùng, tập trung sức để phát triển những cây, con có ưu thế thành hàng hóa với bước đi, quy mô phù hợp, gắn với chế biến và mở rộng thị trường tiêu thụ. Vấn đề ở đây cần xuất phát từ đặc điểm tự nhiên, đặc điểm kinh tế của từng vùng và tiểu vùng để xác định cho thích hợp. Tập trung chuyển đổi cơ chế quản lý, ứng dụng khoa học và công nghệ vào phát triển sản xuất, ưu tiên tập trung đầu tư vốn vào các vùng này, sớm chuyển đổi nền kinh tế tự cung, tự cấp sang kinh tế hàng hóa⁽⁸⁾. củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số. Đặc biệt là thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5, khóa IX *Về kiện toàn, nâng cao chất lượng cán bộ cơ sở*, bởi các cán bộ cơ sở trong hệ thống chính trị ở vùng dân tộc thiểu số hiện nay còn thiếu và yếu. Theo một kết quả điều tra cách đây khoảng 10 năm ở tỉnh Lạng Sơn, người Hmông ở đây chiếm 18,8% nhưng cán bộ người Hmông chỉ khoảng 0,4%, còn cán bộ người Dao chỉ chiếm 0,3%. Trong số 104 chủ tịch xã ở miền núi phía Bắc được điều tra, có tới 85% trình độ học vấn tiểu học và trung học cơ sở, còn 2% mù chữ. Riêng huyện Đồng Văn thuộc tỉnh Hà Giang, người Hmông chiếm 90% dân số nhưng số cán bộ tộc người này ở nơi đây chỉ khoảng 10%⁽⁹⁾. Ở huyện miền núi Kỳ Sơn (Nghệ An) đội ngũ cán bộ có 410 người với 19 chức danh, trong đó trình độ trung học phổ thông là 59 người (14,39%), trung học cơ sở là 319 người (77,8%), tiểu học 32 người (7,8%). Về chuyên môn: Trung cấp 20 người (4,8%), chủ yếu mới được tập huấn ngắn ngày (không có cao đẳng, đại

học), còn ở 189 bản có 753 cán bộ đều chưa qua trường lớp, chủ yếu là tập huấn tại huyện.⁽¹⁰⁾

- Đẩy mạnh phát triển đảng viên trong đồng bào dân tộc thiểu số, bởi số lượng đảng viên người dân tộc ở các địa phương còn ít. Chẳng hạn như ở tỉnh Vĩnh Long, tính đến năm 2002, số đảng viên người Khơ-me chỉ chiếm 0,4% (72 đồng chí), còn ở tỉnh Bạc Liêu con số này chiếm 2% (166 đồng chí). Ở tỉnh Trà Vinh mới có 69/94 xã, phường, thị trấn có đảng viên người Khơ-me, 301/721 chi bộ có đảng viên là người Khơ-me⁽¹¹⁾. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế thích hợp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, thúc đẩy phát triển kinh tế hàng hóa, làm chuyển biến cục diện kinh tế - xã hội các vùng có dân tộc thiểu số cư trú.

- Xuất phát từ đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội của mỗi vùng đồng bào các dân tộc thiểu số để có những chính sách đầu tư đồng bộ, có trọng điểm theo chương trình và các dự án phù hợp với yêu cầu phát triển và điều kiện cụ thể từng nơi, gắn với quá trình phát triển kinh tế hàng hóa và giao lưu văn hóa, đảm bảo mục tiêu ổn định và cải thiện đời sống, giữ vững an ninh quốc phòng ở các vùng dân tộc thiểu số.

- Đồng thời với sự đầu tư hỗ trợ của Nhà nước và huy động các nguồn lực cho sự phát triển các dân tộc, cần có cơ chế thích hợp nhằm phát huy ý thức tự lực tự cường

⁽⁸⁾ Theo đồng chí Bí thư huyện ủy huyện Kỳ Sơn (Nghệ An), năm 2003, ở Kỳ Sơn số hộ nghèo còn trên 50%, chưa có điện lưới quốc gia, 18/21 xã chưa có điện thoại, 75 % dân số chưa được xem truyền hình, nền kinh tế chủ yếu vẫn tự cấp tự túc và là 1 trong 9 huyện khó khăn nhất cả nước.

⁽⁹⁾ Theo Tài liệu Hội thảo khoa học “Thực tiễn dân chủ ở cơ sở qua thực tiễn Việt Nam và Trung Quốc” do Tạp chí Cộng Sản và Tạp chí Cầu Thị tổ chức ngày 9-10 tháng 12/2003 tại Hà Nội. Bài của TS. Nguyễn Xuân Thông.

⁽¹⁰⁾ Ban Tuyên giáo Trung ương: xem “*Xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở*”, Hà Nội, 2003, tr.185.

⁽¹¹⁾ Theo Tài liệu của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (nay là Ban Tuyên giáo Trung ương).

và năng lực của đồng bào các dân tộc, huy động mọi tiềm năng, thế mạnh của đồng bào vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng quê hương, bản làng, phum, sóc giàu đẹp và bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc.

- Bên cạnh đó, thường xuyên quan tâm, đổi mới nội dung, phương thức của công tác dân tộc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; thực hiện chính sách ưu tiên đặc biệt phát triển giáo dục và đào tạo ở miền núi, coi trọng đào tạo cán bộ và trí thức cho dân tộc thiểu số, trong đó cần tập trung vào những nội dung sau:

+ Trước hết cần tập trung vào việc nâng cao dân trí, thực hiện có hiệu quả việc xóa mù chữ cho thanh niên, cán bộ cơ sở và phổ cập giáo dục tiểu học cho đối tượng này. Có quy hoạch và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng lại các loại cán bộ đáp ứng yêu cầu phát triển mọi mặt của từng vùng, từng dân tộc.

+ Tăng cường vốn đầu tư cho các trường học ở vùng dân tộc thiểu số. Mở rộng việc đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số trong các hệ thống trường Đảng, trường đoàn thể, trường hành chính và các lực lượng vũ trang theo chương trình, nội dung phù hợp, thiết thực.

+ Quan tâm thực hiện tốt chính sách chế độ đối với cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ công tác ở miền núi, nhất là ở nơi vùng sâu, vùng xa, vùng cao⁽¹²⁾. Có chế độ chính sách ưu đãi, động viên đối với các già làng, trưởng bản và những người có uy tín trong các dân tộc.

- Giữ gìn và phát triển những tinh hoa văn hóa của cộng đồng các dân tộc, góp phần vào xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Trong đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số, cần thường xuyên quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để quần chúng bảo vệ, kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa

tốt đẹp, loại bỏ dần những tập quán không còn phù hợp. Từng bước nâng cao đời sống kinh tế để nhân dân các dân tộc có điều kiện hưởng thụ các thành tựu văn hóa, nâng cao dân trí. Đầu tư thích đáng cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin ở miền núi. Có chính sách tài trợ, giúp đỡ, khuyến khích cho các nhà văn, nghệ sĩ sáng tác các đề tài miền núi và dân tộc thiểu số trong công cuộc xây dựng, bảo vệ tổ quốc trước đây cũng như hiện nay.

- Có chính sách quan tâm cụ thể, thiết thực và hiệu quả đến các vùng cao, vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến trước đây. Chẳng hạn: chính sách ưu đãi những mặt hàng thiết yếu như gạo, muối, dầu thắp sáng, giấy viết, thuốc chữa bệnh, dịch vụ văn hóa, văn nghệ đối với vùng cao, vùng sâu, vùng xa; chương trình nước sạch cho đồng bào vùng cao, chương trình phát thanh truyền hình bằng tiếng các dân tộc... Nghị quyết Đại hội X của Đảng nêu rõ: “Giải quyết ổn định lương thực cho các hộ nghèo, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số”, “đáp ứng đủ điện cho yêu cầu phát triển cả ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo”, “ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số”. “Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, phát thanh, truyền hình, xuất bản và phát hành sách trên tất cả các vùng, chú ý nhiều hơn đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số”⁽¹³⁾...

⁽¹²⁾ Đại hội XI của Đảng (2011) vừa qua, nước ta có 167 đại biểu là người dân tộc tham dự và có 24 đồng chí trúng cử vào Ban Chấp hành Trung ương (20 chính thức và 4 dự khuyết). Quốc hội khóa XIII có 172 đại biểu được đề cử, ứng cử và đã có 78 đại biểu Quốc hội là người dân tộc.

⁽¹³⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X* (sdd), tr. 214.

Thông qua các chính sách, biện pháp cụ thể tích cực động viên đồng bào các dân tộc phát huy tinh thần tự lực tự cường, khai thác mọi tiềm năng trong đồng bào, kết hợp với sự đầu tư thích đáng, hiệu quả của Nhà nước cũng như của các thành phần kinh tế nhằm khắc phục sự chênh lệch giữa miền núi và miền xuôi, từng bước xóa đói giảm nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho đồng bào các dân tộc, xứng đáng với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước cũng như sự đóng góp to lớn của họ vào sự nghiệp chung của đất nước.

4. Một vài nhận xét

- Từ khi ra đời, Đảng và Nhà nước ta luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến vấn đề dân tộc, coi phát triển toàn diện đối với các dân tộc thiểu số là chiến lược trong quá trình cách mạng ở Việt Nam. Bước sang thời kỳ đổi mới, sự quan tâm đó càng được coi trọng, được thể hiện qua các chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ thiết thực nhằm từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân các dân tộc thiểu số ở khắp mọi miền đất nước.

- Trên cơ sở lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn Đổi mới đất nước hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đã và đang từng bước đổi mới, hoàn thiện các chủ trương chính sách đối với các dân tộc thiểu số, bảo đảm cho đồng bào phát triển về mọi mặt, khắc phục dần sự chênh lệch giữa miền núi và miền xuôi.

- Nhờ có các chủ trương chính sách đúng đắn và kịp thời đối với việc phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng đất đai, gìn giữ văn hoá và bảo vệ môi trường, tại các địa bàn người dân tộc thiểu số hiện nay, cuộc sống của đồng bào đang từng bước được nâng cao, xuất hiện ngày càng nhiều mô hình sản xuất mới, nhiều cá nhân và tập thể điển hình, làm ăn giỏi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
3. Chính sách dân tộc, *Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1990.
4. Hoàng Chí Bảo (chủ biên), *Bảo đảm bình đẳng và tăng cường hợp tác giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay*. Nxb Chính trị Quốc gia, 2008.
5. Hội đồng Dân tộc của Quốc hội (khóa X), *Chính sách và pháp luật của Đảng, Nhà nước về dân tộc*. Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2000.
6. Lê Doãn Tá, Phan Hữu Dật (chủ biên), *Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
7. *Một số vấn đề dân tộc và quan điểm chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1998.
8. Ủy ban Dân tộc, *Chính sách dân tộc trong những năm đổi mới: Thành tựu cùng những vấn đề đặt ra*, Nxb Chính trị - Hành chính, H.2010.
9. Đặng Nghiêm Vạn, *Cộng đồng quốc gia các dân tộc Việt Nam đa tộc người*, Nxb. Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2009.
10. Viện nghiên cứu chính sách dân tộc và miền núi, *Vấn đề dân tộc và định hướng xây dựng chính sách dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia, H.2002.
11. Trung tâm nghiên cứu và phát triển vùng, *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách dân tộc ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.